TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:148/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2026
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thông
bà Trần Thị Đông

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Nguyễn Thị Oanh H, sinh năm: 2003; địa chỉ: Thôn L.T, xã T.X, thành phố Đ. Số căn cước công dân: 049303007549 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Đức N, sinh năm: 1990; địa chỉ: Khối phố X.Đ, phường T, thành phố Đ. Số căn cước công dân: 051090006773 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn bà Nguyễn Thị Oanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T.X, thành phố T, tỉnh Q (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 24/06/2024. Từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng không có sống chung với nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nhiều lần vợ chồng đã tìm cơ hội hoà giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không được. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông Phạm Đức N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung

là Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024; bà H yêu cầu Toà án giải quyết giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Oanh H yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Đức N có bản trình bày:

Vợ chồng ông tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng và đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân phường T.X, thành phố T, tỉnh Q (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 24/06/2024 Sau khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; hiện tại vợ chồng không còn sống chung. Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024; Do hiện nay có con chung còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Nguyễn Thị Oanh H, cho bà H được ly hôn với ông Phạm Đức N. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024 cho bà H nuôi dưỡng, buộc ông Phạm Đức N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Đức N có địa chỉ cư trú tại Khối phố X.Đ, phường T, thành phố Đ, nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: bị đơn ông Phạm Đức N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1.] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Oanh H và ông Phạm Đức N xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T.X, thành phố T, tỉnh Q (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 24/06/2024 tại số 19 theo quy định. Việc bà H và ông N kết hôn với nhau không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà H thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng không có sống chung từ năm 2024 cho đến nay; điều này được ông N thừa nhận tại bản tự khai nhưng vì con chung còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, bà H và ông N đã không sống chung từ năm 2024 cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau; trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần thông báo để ông N đến tham gia hoà giải để cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông N không đến, điều nay thể hiện ông N không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H; tại phiên toà bà H cương quyết xin ly hôn, thể hiện mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024; Bà H yêu cầu giao con chung cho bà H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng cũng như nguyện vọng, mong muốn trong việc nuôi con của các bên. Hiện tại cháu H dưới 36 tháng tuổi, cần thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ mới đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc chăm sóc giáo dục con là nghĩa vụ, đồng thời cũng là quyền của cha mẹ nên ông N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Oanh H yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng bà H yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân – Gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Oanh H phải chịu án phí Hôn nhân – gia đình sơ thẩm; ông Phạm Đức N phải chịu án phí cấp

dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Oanh H về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* đối với ông Phạm Đức N.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Oanh H được ly hôn với ông Phạm Đức N

2. Về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Anh H, sinh ngày 13/3/2024 cho bà Nguyễn Thị Oanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc ông Phạm Đức N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Nguyễn Anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3.2026.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Oanh H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000201 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Phạm Đức N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Đà Nẵng;*
- *VKSND TP Đà Nẵng;*
- *THADS TP Đà Nẵng;*
- *VKSND Khu vực 5- Đà Nẵng;*
- UBND phường Tam Kỳ (số 19/2024);
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh